

QUYẾT ĐỊNH

*“V/v Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ”*

BAN KIỂM SOÁT TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HÒA THỌ

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ;
- Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/4/2021 của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ đã được sửa đổi, bổ sung và thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ.

Điều 2: Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các đơn vị, cá nhân có liên quan của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- HĐQT
- Ban kiểm soát
- Như điều 2
- Lưu VT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Thị Kim Khanh

**QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA
BAN KIỂM SOÁT
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HOÀ THỌ**

Tháng 06 năm 2021

MỤC LỤC

CHƯƠNG I	5
NHỮNG NGUYÊN TẮC CHUNG	5
Điều 1. Những căn cứ pháp lý.....	5
Điều 2. Phạm vi điều chỉnh.....	5
Điều 3. Đối tượng áp dụng.....	5
CHƯƠNG II	6
NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT	6
Điều 4. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát.....	6
CHƯƠNG III	7
QUYỀN, NGHĨA VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT	7
Điều 5. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý Tổng Công ty của Hội đồng quản trị và Ban điều hành.....	7
Điều 6. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong việc ghi chép sổ kế toán.....	8
Điều 7. Kiểm soát báo cáo tài chính.....	8
Điều 8. Kiểm soát công tác quản lý, điều hành.....	9
Điều 9. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát.....	10
Điều 10. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.....	10
Điều 11- Quan hệ với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Đại hội đồng cổ đông, và quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát.....	11
CHƯƠNG IV	13
TRƯỞNG BAN, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT	13
Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát.....	13
Điều 13. Cơ cấu tổ chức, nhiệm kỳ hoạt động.....	13
Điều 14. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát.....	14
Điều 15. Trưởng Ban Kiểm soát.....	14
Điều 16. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát.....	15
Điều 17. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	16
Điều 18. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	17

Điều 19. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	17
Điều 20. Cuộc họp Ban Kiểm soát	18
CHƯƠNG V	20
BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH	20
Điều 21. Trình báo cáo hàng năm.....	20
Điều 22. Tiền lương và quyền lợi khác	21
Điều 23. Công khai các lợi ích liên quan.....	21
CHƯƠNG VI	22
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	22
Điều 24- Bổ sung sửa đổi và hiệu lực thi hành	22

CHƯƠNG I

NHỮNG NGUYÊN TẮC CHUNG

Điều 1. Những căn cứ pháp lý

Quy chế về hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hoà Thọ được xây dựng dựa trên những căn cứ pháp lý sau đây:

- 1.1- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019
- 1.2- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020
- 1.3- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán
- 1.4- Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán
- 1.5- Bản Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty sửa đổi bổ sung đã được quyết định thông qua tại Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty cổ phần Dệt May Hòa Thọ ngày 17 tháng 04 năm 2021, bao gồm 21 chương 59 điều.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan

Điều 3. Đối tượng áp dụng

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

CHƯƠNG II

NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát.

- 4.1. Ban Kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể, độc lập và khách quan. Các thành viên Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát
- 4.2. Mục tiêu hoạt động của Ban Kiểm soát là bảo vệ lợi ích của Cổ đông, của Tổng Công ty, đảm bảo Tổng Công ty phát triển bền vững, đảm bảo sự đoàn kết nội bộ giữa các Cổ đông, cân bằng lợi ích giữa các bộ phận trong Tổng Công ty;
- 4.3. Đảm bảo hoạt động bình thường của Tổng Công ty, của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn trong điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Tổng Công ty;
- 4.4. Tôn trọng pháp luật đồng thời đảm bảo tính hợp lý và thực tế;
- 4.5. Lắng nghe, đấu tranh và ngăn chặn từ xa, phòng ngừa nguy cơ dẫn đến các hành vi làm xâm hại đến lợi ích của Tổng Công ty và các Cổ đông;
- 4.6. Minh bạch hoá các quan hệ, công khai hoá các lợi ích;
- 4.7. Mẫn cán và trung thực;
- 4.8. Mềm dẻo nhưng hiệu quả.

CHƯƠNG III

QUYỀN, NGHĨA VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 5. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý Tổng Công ty của Hội đồng quản trị và Ban điều hành

- 5.1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty. Giám sát hoạt động và việc tuân thủ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty đối với Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc và Cán bộ điều hành trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật, Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình, Ban kiểm soát được sử dụng các quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.
- 5.2. Nắm vững các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết Hội đồng quản trị, quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị để chủ động phối hợp với Hội đồng quản trị trong việc đề xuất các chính sách tài chính. Đánh giá tính hợp pháp, hợp lý của các nghị quyết của Hội đồng quản trị về thẩm quyền ban hành, về nội dung và tính hiệu quả khi thực hiện;
- 5.3. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết
- 5.4. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
- 5.5. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- 5.6. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- 5.7. Kiểm tra, kiểm soát tính hợp pháp, hợp lý của các Quy chế về tổ chức và các mối quan hệ của bộ máy điều hành do Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị trước khi Hội đồng quản trị phê chuẩn. Giám sát việc thực hiện quy chế đã ban hành.
- 5.8. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát

hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

- 5.9. Nắm vững nhiệm vụ của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Trưởng phòng ban/đơn vị trực thuộc Tổng Công ty, đánh giá tính hợp lý, tính hợp pháp của các kế hoạch, phân công, điều hành và tính hiệu quả của công tác điều hành Tổng Công ty.

Điều 6. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong việc ghi chép sổ kế toán

- 6.1. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp; kiến nghị, góp ý “Quy chế Tài chính” của Tổng Công ty do Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị để phê duyệt và ban hành.
- 6.2. Giám sát việc thực hiện “ Quy chế Tài chính” của Tổng Công ty.
- 6.3. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng Công ty.
- 6.4. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Tổng Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tổng Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên

Điều 7. Kiểm soát báo cáo tài chính

- 7.1. Định kỳ thẩm định, kiểm tra tính chính xác, minh bạch, hợp lý, hợp pháp trong báo cáo tài chính trước khi Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông, liên đới chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về những sai sót trong báo cáo tài chính.
- 7.2. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến các số liệu trong Báo cáo tài chính, yêu cầu Kế toán trưởng giải thích rõ ràng, minh bạch về ý nghĩa các số liệu trong Báo cáo tài chính.
- 7.3. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thông kê và lập báo cáo tài chính.
- 7.4. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Tổng công ty.

Điều 8. Kiểm soát công tác quản lý, điều hành

- 8.1. Kiểm tra, kiểm soát nội dung của các quy chế: về Tổ chức và lao động; về Quản lý hành chính và thông tin trước khi Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị phê duyệt;
- 8.2. Giám sát việc thực hiện, bổ sung, sửa đổi những quy chế nói trên.
- 8.3. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến công tác quản lý, điều hành hoạt động của Tổng Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quy định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 8.4. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Tổng Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- 8.5. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty
- 8.6. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả
- 8.7. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty
- 8.8. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc) và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả
- 8.9. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

- 8.10. Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
- 8.11. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông
- 8.12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Điều 9. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

- 9.1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
 - a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
 - b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - c) Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.
- 9.2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
- 9.3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 10. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

- 10.1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

- b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
 - c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện, [trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác].
- 10.2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.
- 10.3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Điều 11. Quan hệ với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Đại hội đồng cổ đông, và quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

- 11.1. Ban Kiểm soát phải thường xuyên phối hợp với Hội đồng quản trị thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát; tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết quả và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
- 11.2. Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty giúp Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp gần nhất.
- 11.3. Ban Kiểm soát có trách nhiệm báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính trung thực, chính xác, hợp lý hợp pháp của báo cáo tài chính và báo cáo sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.
- 11.4. Ban Kiểm soát phải cập nhật các tuyên bố công khai lợi ích của các cán bộ quản lý điều hành của Tổng Công ty để giám sát các giao dịch kinh tế dân sự của những người quản lý với những nơi họ có liên quan và những nơi họ có lợi ích để phát hiện và giám sát những giao dịch này, ngăn chặn những thiệt hại có thể xảy ra đối với Tổng Công ty và Cổ đông của Tổng Công ty.
- 11.5. Ban Kiểm soát phải tiếp nhận các khiếu nại của Cổ đông liên quan đến quản lý điều hành Tổng Công ty, tổ chức thẩm tra xác minh các khiếu nại báo cáo Hội đồng quản trị và thực hiện việc trả lời các khiếu nại của Cổ đông.
- 11.6. Được sự đồng ý của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát có thể nhân danh Tổng Công ty để tiếp các đoàn kiểm tra, thanh tra của các cơ quan nhà nước, trực tiếp làm việc và cung cấp tài liệu khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu, đồng thời có quyền từ chối làm việc với các đoàn thanh tra, kiểm tra nếu cho rằng việc kiểm tra, thanh tra của họ là không phù hợp với quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp.

- 11.7. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận với tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Tổng công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Cán bộ điều hành khác phải cung cấp các thông tin và tài liệu theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị Tổng công ty theo quy định tại Điều 35 Điều lệ Tổng công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.
- 11.8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý công ty quy định tại Điều 165 của Luật doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- 11.9. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
- 11.10. Ban Kiểm soát không được tiết lộ bí mật của Tổng Công ty, phải chịu trách nhiệm cá nhân về việc sử dụng các thông tin được quy định là thông tin bí mật của Tổng Công ty. Việc yêu cầu cung cấp thông tin cho Ban Kiểm soát và sử dụng thông tin không được gây ảnh hưởng đến hoạt động quản lý và điều hành của Tổng Công ty.
- 11.11. Phối hợp với Hội đồng quản trị Tổng Công ty về việc về xuất với Đại hội đồng cổ đông lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Tổng Công ty.
- 11.12. Ban kiểm soát có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.
- 11.13. Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát
- 11.14. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG IV
TRƯỞNG BAN, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
VÀ CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

- 12.1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
- 12.2. Thực hiện các quyền - nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng Công ty và cổ đông Tổng Công ty.
- 12.3. Trung thành với lợi ích của Tổng Công ty và cổ đông Tổng Công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Tổng Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Tổng Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
- 12.4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty.
- 12.5. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các khoản 12.1, 12.2, 12.3, 12.4 Điều này mà gây thiệt hại cho Tổng Công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó.

Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 12.1, 12.2, 12.3, 12.4 Điều này phải hoàn trả cho Tổng Công ty.

Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì HĐQT phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 13. Cơ cấu tổ chức, nhiệm kỳ hoạt động

- 13.1. Cơ cấu tổ chức Ban Kiểm soát của Tổng Công ty có ba (03) thành viên.
- 13.2. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát trùng với nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại vào kỳ Đại hội đồng cổ đông tiếp theo.

Trường hợp, thành viên Ban kiểm soát được bầu trong nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời gian còn lại của nhiệm kỳ Ban Kiểm soát.

- 13.3. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
- 13.4. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Điều 14. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây

- 14.1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
- 14.2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của TCT;
- 14.3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ điều hành khác;
- 14.4. Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- 14.5. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- 14.6. Thường trú tại Việt Nam
- 14.7. Không được là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

Điều 15. Trưởng Ban Kiểm soát

- 15.1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số

- 15.2. Khi trưởng Ban Kiểm soát vắng mặt, đi công tác xa, phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên Ban Kiểm soát làm Trưởng ban để duy trì hoạt động thường xuyên của Ban Kiểm soát. Trường hợp trưởng Ban Kiểm soát không ủy quyền thì các thành viên Ban Kiểm soát còn lại cử một người trong số họ làm trưởng Ban Kiểm soát.
- 15.3. Trưởng Ban Kiểm soát có quyền và nhiệm vụ sau:
- a. Lập chương trình kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát bao gồm các nội dung:
 - + Giám sát sự tuân thủ các nội quy, quy chế đã ban hành;
 - + Kế hoạch giám sát ghi sổ sách kế toán;
 - + Giám sát việc lập báo cáo tài chính hàng năm;
 - + Giám sát việc thực hiện các quy định về kế toán quản trị;
 - + Kiểm soát đánh giá tính hợp pháp tính hợp lý, tính khả thi của các hợp đồng kinh tế, dân sự ký giữa Tổng Công ty với khách hàng.
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung các cuộc họp của Ban Kiểm soát, chủ tọa các cuộc họp Ban Kiểm soát phân công kiểm soát viên theo yêu cầu kiểm soát thường xuyên.
 - c. Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm Soát khi có những vấn đề phát sinh lập kế hoạch và tổ chức lực lượng phù hợp để kiểm tra, giám sát đột xuất;
 - d. Lập kế hoạch phối hợp cộng tác chặt chẽ với Hội đồng quản trị, ban điều hành, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động giám sát, kiểm tra
 - e. Yêu cầu HĐQT, Tổng giám đốc và các Cán bộ điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty để báo cáo Ban Kiểm soát.
 - f. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

- 16.1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tối thiểu 5% số cổ phần có quyền biểu quyết tại thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng

viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

- 16.2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.
- 16.3. Khi số thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật so với quy định trong Điều lệ Tổng Công ty, thì phải kiến nghị Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày để bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát.
- 16.4. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 16.3 nêu trên, Ban Kiểm soát phải thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 140.3 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty trong vòng 30 (ba mươi) ngày tiếp theo. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định thì Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho Tổng Công ty.

Điều 17. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

- 17.1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 17.2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng

số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 18. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

18.1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức gửi đến trụ sở chính của Tổng Công ty;
- c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

18.2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 19. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

19.1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;

đ) Lợi ích có liên quan tới Tổng Công ty và các bên có liên quan của Tổng Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có);

g) Tổng Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Tổng Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

19.2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Điều 20. Cuộc họp Ban Kiểm soát

20.1. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban Kiểm soát. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát

Trong trường hợp cần thiết, Trưởng ban kiểm soát có quyền mời thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban điều hành, kiểm toán viên nội bộ và kiểm toán viên độc lập được chấp nhận tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát và trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban kiểm soát quan tâm.

20.2. Người triệu tập họp Ban Kiểm soát:

Người triệu tập họp Ban Kiểm soát là Trưởng Ban Kiểm soát. Trong trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát vắng mặt thì người được Trưởng Ban Kiểm soát uỷ quyền bằng văn bản triệu tập họp Ban Kiểm soát.

20.3. Thời gian triệu tập họp Ban Kiểm soát:

Thông báo mời họp Ban kiểm soát phải được gửi cho các thành viên Ban kiểm soát tối thiểu năm (05) ngày trước ngày họp. Thông báo về cuộc họp Ban kiểm soát được làm bằng tiếng Việt, trong đó nêu rõ về: chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát và cả các phiếu biểu quyết cho những thành viên Ban kiểm soát. Những thành viên Ban kiểm soát không thể dự họp sẽ gửi phiếu biểu quyết cho Ban kiểm soát trước khi họp.

20.4. Địa điểm họp Ban Kiểm soát:

Địa điểm họp do người triệu tập họp quyết định trên lãnh thổ Việt Nam. Cuộc họp Ban Kiểm soát có thể là cuộc họp trực tiếp hoặc online nhưng

mọi thông tin, tài liệu phải được bảo mật vì tài liệu và nội dung có thể có những thông tin bí mật của Tổng Công ty.

- 20.5. Cuộc họp Ban Kiểm soát được coi là có giá trị pháp lý khi có ít nhất 2/3 số thành viên Ban Kiểm soát hoặc người được thành viên Ban Kiểm soát cử thay thế tham dự.

Chủ tọa cuộc họp Ban Kiểm soát là Trưởng Ban Kiểm soát hoặc người được Trưởng Ban Kiểm soát ủy quyền bằng văn bản. Trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát vắng mặt thì các thành viên tham dự cuộc họp bầu một người làm chủ tọa cuộc họp.

- 20.6. Biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát

- a. Mỗi thành viên Ban Kiểm soát có 01 phiếu biểu quyết.
- b. Kết luận của Ban Kiểm soát được thông qua khi có đa số phiếu biểu quyết.
- c. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng ban Kiểm soát.
- d. Chỉ có thành viên Ban Kiểm soát hoặc người được thành viên Ban Kiểm soát ủy quyền mới có quyền biểu quyết. Những người dự thỉnh, khách mời không được biểu quyết.

- 20.7. Người được mời họp Ban Kiểm soát phải là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ có liên quan. Khi biểu quyết những nội dung kết quả giám định kỹ thuật có thể mời các cơ quan đã tham gia giám định họp.

- 20.8. Lập biên bản cuộc họp Ban Kiểm soát

- a. Các cuộc họp của Ban Kiểm soát phải được lập biên bản theo quy định.
- b. Trưởng Ban Kiểm soát có thể cử một thành viên trong Ban Kiểm soát hoặc yêu cầu Thư ký Tổng Công ty thực hiện việc lập biên bản cuộc họp.
- c. Biên bản cuộc họp Ban Kiểm soát phải có những nội dung sau:
 - + Ngày, tháng, năm họp;
 - + Giờ bắt đầu, giờ kết thúc;
 - + Thành phần tham gia họp/ những người vắng mặt;
 - + Những nội dung được đưa ra trao đổi;

- + Kết luận và biểu quyết về từng vấn đề
- d. Biên bản cuộc họp của Ban Kiểm soát phải được thông qua ngay trong cuộc họp và phải có chữ ký của các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp;
- e. Biên bản các cuộc họp của Ban Kiểm soát do Trưởng Ban Kiểm soát quản lý và chỉ cung cấp cho Chủ tịch Hội đồng quản trị/Tổng Giám đốc/Đại hội đồng cổ đông.
- f. Biên bản các cuộc họp Ban Kiểm soát phải được lưu giữ theo quy định của tài liệu mật của Tổng Công ty nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

CHƯƠNG V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 21. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

- 21.1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- 21.2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
- 21.3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
- 21.4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
- 21.5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
- 21.6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và những người điều hành doanh nghiệp khác.

- 21.7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và các cổ đông.
- 21.8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 22. Tiền lương và quyền lợi khác

- 22.1. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.
- 22.2. Nguyên tắc chi tiêu:
- a. Đảm bảo công tác giám sát;
 - + Chi phí cho công tác kiểm tra, giám sát;
 - + Chi phí cho các cuộc họp Ban Kiểm soát, chi phí ăn ở, đi lại;
 - + Chi phí thẩm định, tư vấn thuê ngoài;
 - b. Thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm;
 - c. Đảm bảo thù lao tương xứng cho thành viên Ban Kiểm soát;
 - d. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát;
 - e. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

Điều 23. Công khai các lợi ích liên quan

- 23.1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
- a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

- b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
- 23.2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
- 23.3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
- 23.4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
- 23.5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

CHƯƠNG VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Bổ sung sửa đổi và hiệu lực thi hành

- 24.1. Quy chế này gồm VI chương và 24 điều khoản, có hiệu lực kể từ ngày ban hành. Trưởng Ban Kiểm soát có trách nhiệm triển khai thực hiện. Các thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các đơn vị, cá nhân có liên quan có trách nhiệm hỗ trợ, giúp đỡ Ban Kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ.
- 24.2. Trong quá trình thực hiện mọi ý kiến đề nghị sửa đổi bổ sung được phản ánh bằng văn bản cho Ban Kiểm soát để xem xét quyết định.

